

Số: **211/2020/QĐST-HNGĐ**

Chơn Thành, ngày 07 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 268/2020/TLST-VDS ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc "*Công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1988; HKTT: Tổ 1, phường N, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; Tạm trú tại: Đường Cao Thắng, ấp H, thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Chị Huỳnh Kim T, sinh năm 1990; HKTT: Số 16/1, ấp 1, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú tại: Tổ 4, khu phố T, thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào đơn yêu cầu cùng lời trình bày của anh Đ, chị T và các chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy anh Đ, chị T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số: 92/2015, quyển số: 01/2015, đăng ký ngày 02/12/2015. Việc kết hôn là do anh Đ, chị T hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Quá trình chung sống anh Đ và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được. Nhận thấy, Từ tháng 6/2020 cho đến nay anh Đ và chị T đã sống ly thân, không còn quan tâm, yêu thương nhau; đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ và chị T thống nhất thỏa

thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn với các thỏa thuận:

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Đ và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ và chị T khai không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Đ và chị T thỏa thuận cùng chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đình Đ và chị Huỳnh Kim T.

- Về con chung: Anh Đỗ Đình Đ và chị Huỳnh Kim T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đỗ Đình Đ và chị Huỳnh Kim T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh Đỗ Đình Đ và chị Huỳnh Kim T khai không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Đình Đ và chị Huỳnh Kim T phải chịu số tiền 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình giải đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004453, quyển số: 0090, ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Chợ Thành;
- UBND phường Nghĩa Trung;
- CCTHADS huyện Chợ Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Mạnh